CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư Phát triển Thành Đạt

Ngày 30/09/2025	22,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.8%	**30.2%**	**21.4%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	11,825 - 24,168
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,467
Số lượng CPLH (CP)	66,686,055
KLGD BQ 20 phiên (CP)	803,010
Sở hữu nước ngoài	4.4%
Beta	1.56
EPS	3,138
P/E	7.0

DT thuần
Q3/25
150
tỷ VNĐ
QoQ: ▼138| -48.0%
YoY: ▼12.0| -7.6%

LN thuần
Q3/25
44.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼148| -76.7%
YoY: ▼38.4| -46.1%

LN sau thuế
Q3/25
34.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼118| -77.2%
YoY: ▼31.4| -47.3%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
30.5%
YoY: +/-▼ 36.6%

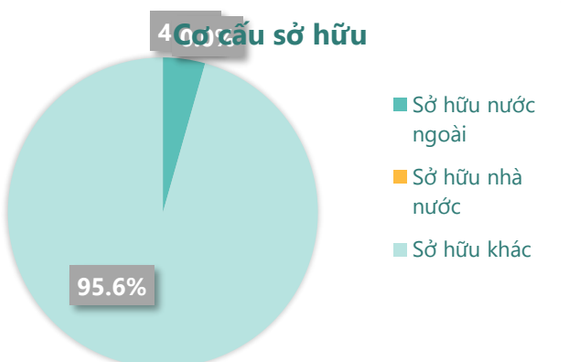
ROE (TTM)
Q3/25
14.5%
YoY: +/-▼ 1.7%

DT thuần
9T 2025
657
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 227| 52.5%

LN thuần
9T 2025
364
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 160| 78.3%

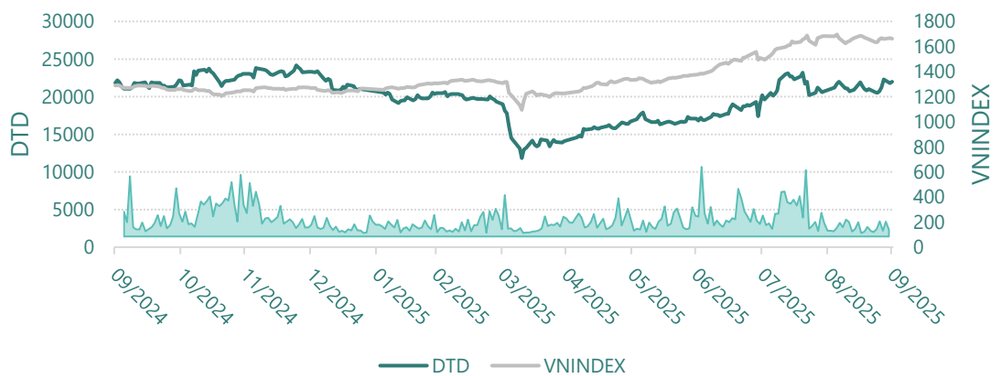
LN sau thuế
9T 2025
288
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 125| 77.0%

Cơ cấu sở hữu

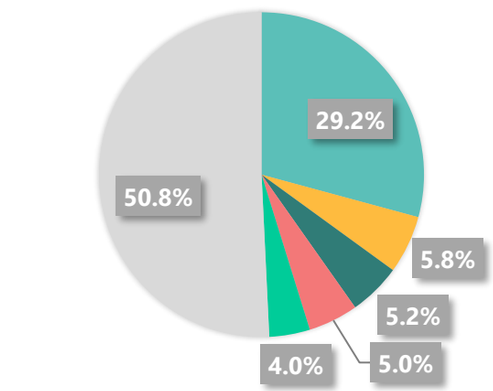


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

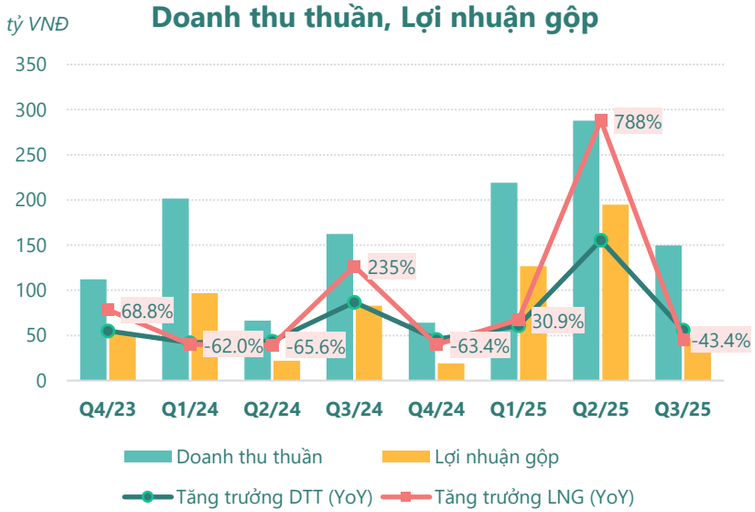


- Nguyễn Huy Cương (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Thanh Tâm
- Nguyễn Quang Trí (Phó Tổng giám đốc)
- Phillip Securities (Thailand) Public Company Limited
- Nguyễn Thị Kim Chung
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

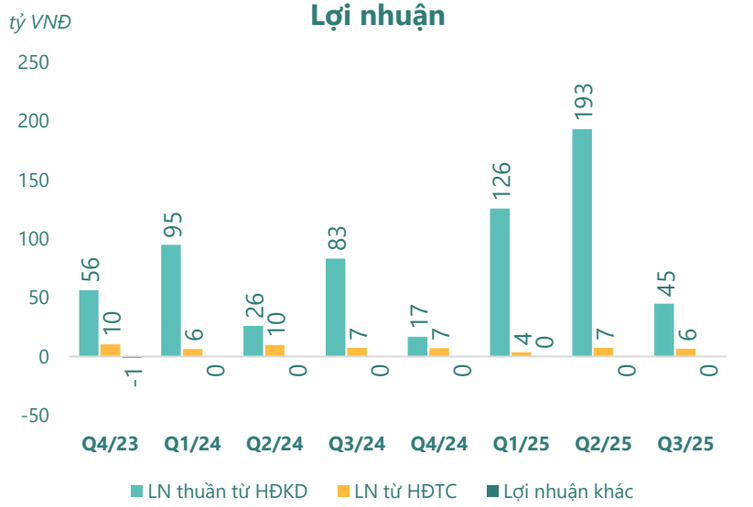
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



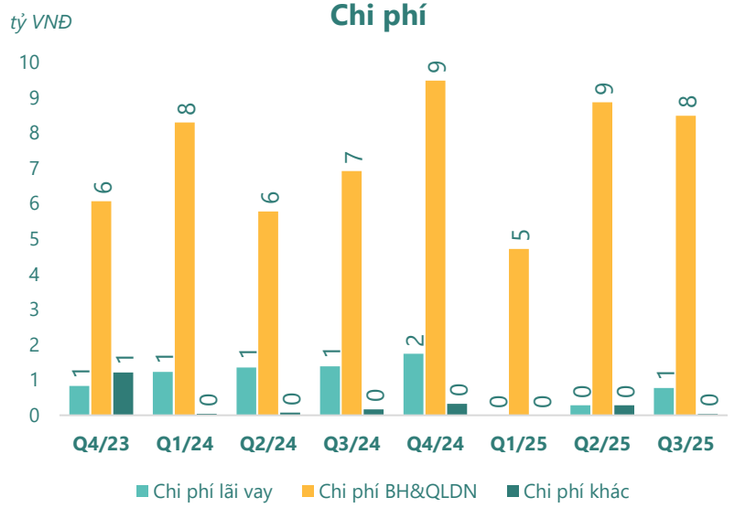
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



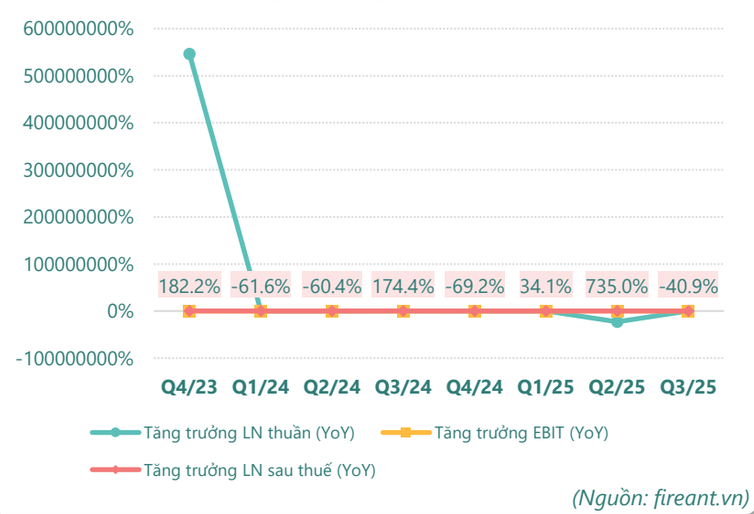
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



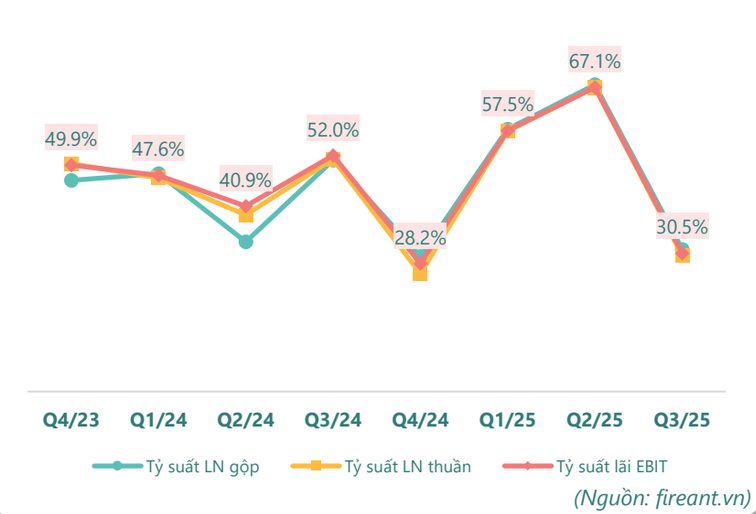
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



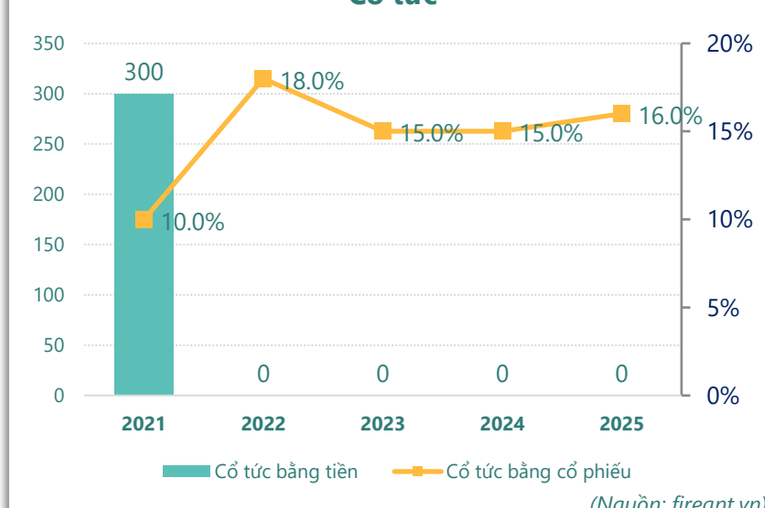
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

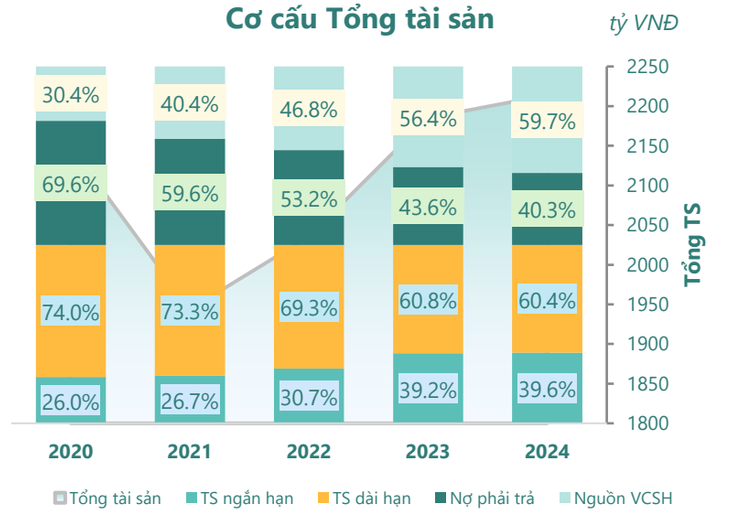
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

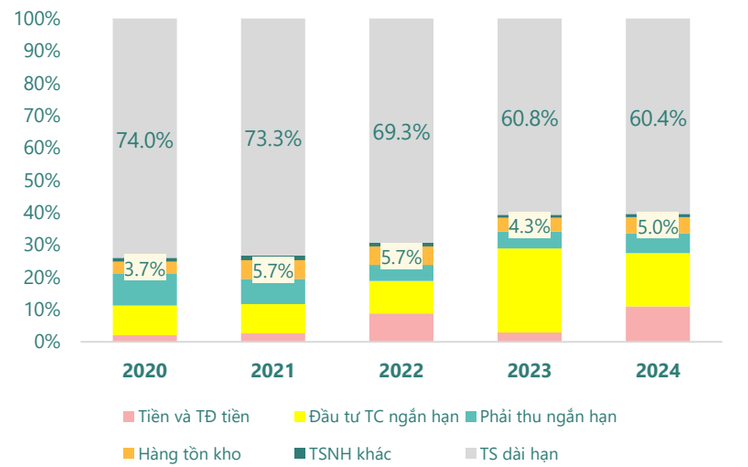
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



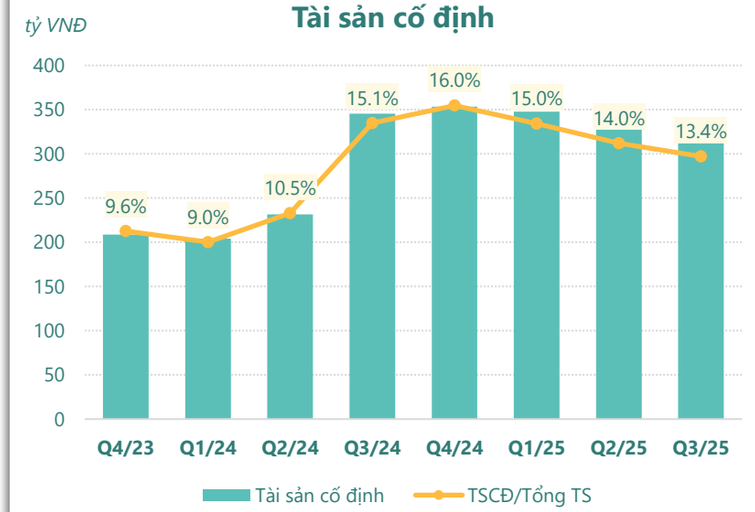
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



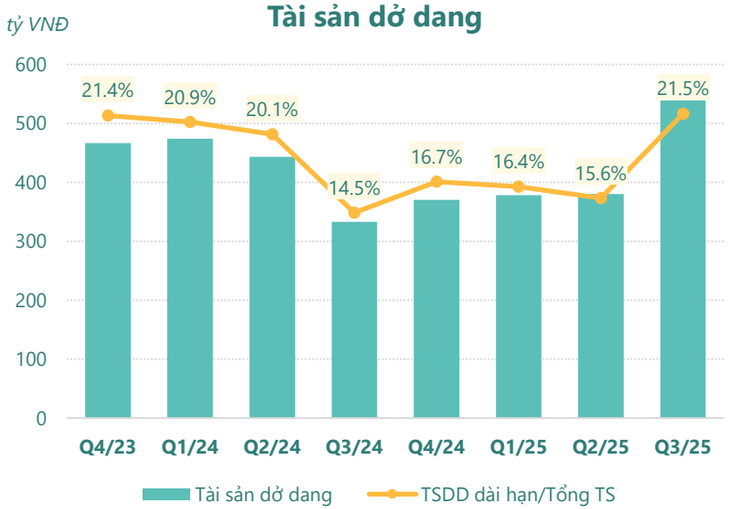
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



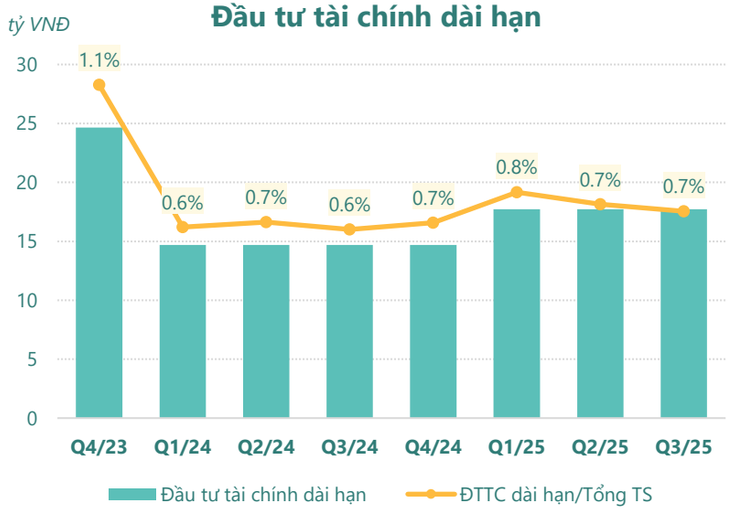
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



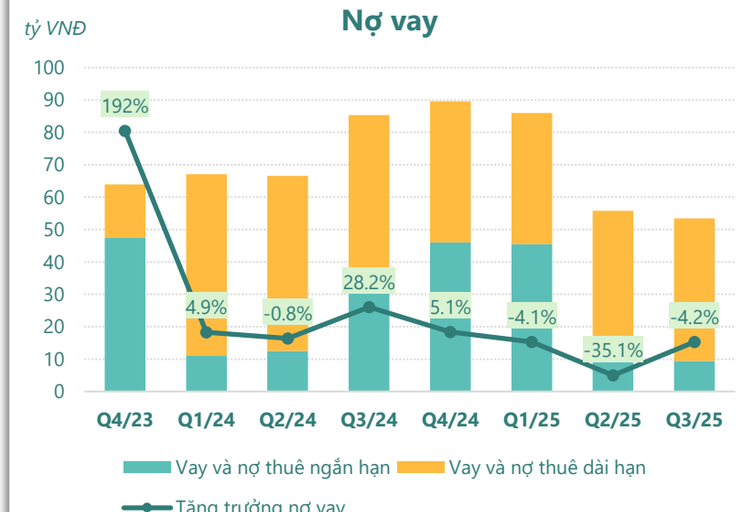
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

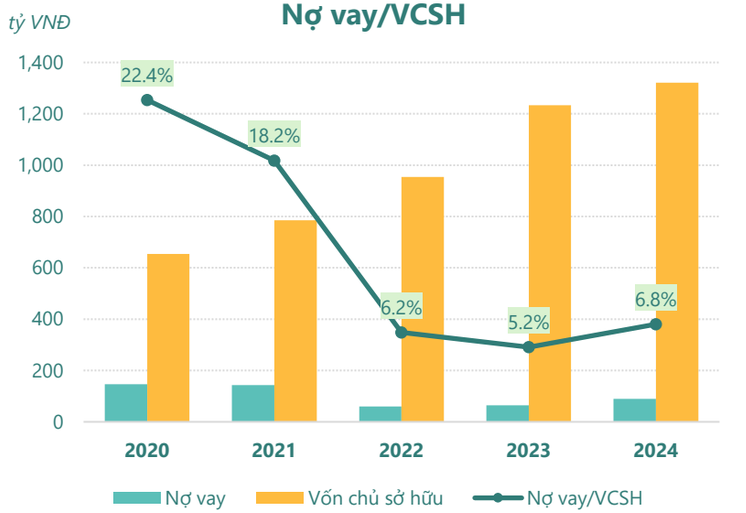
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

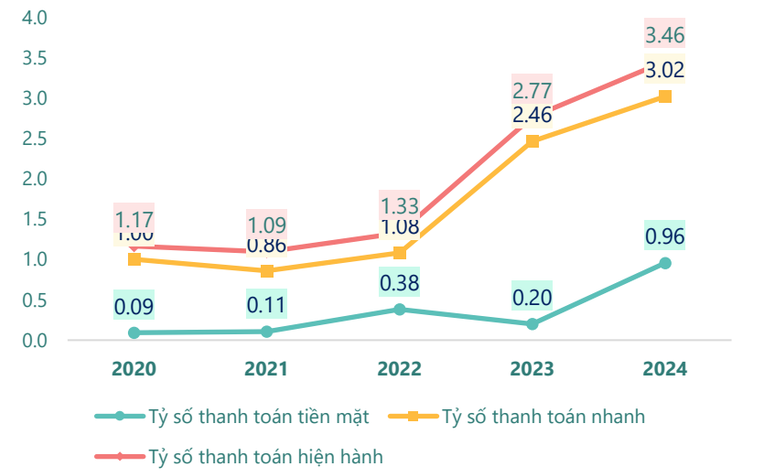
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



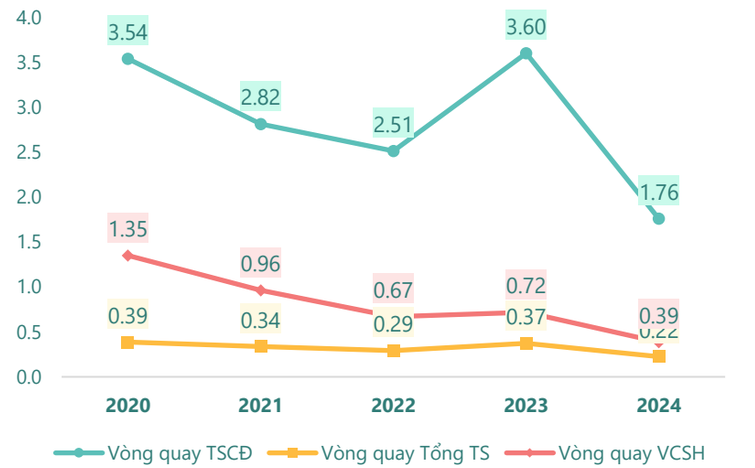
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



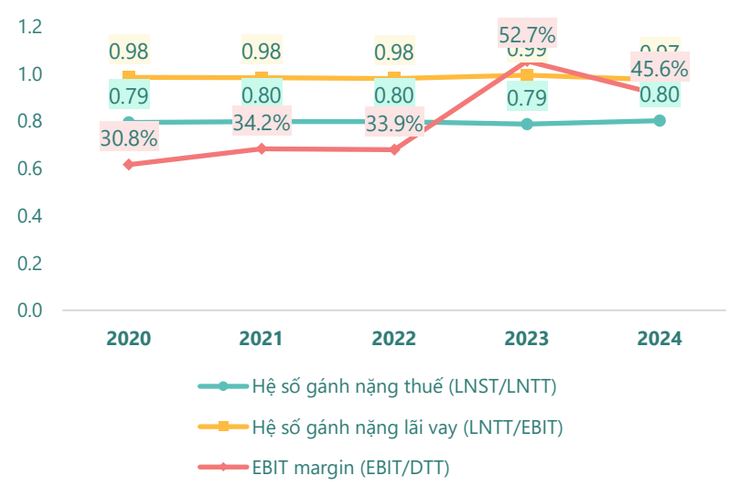
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



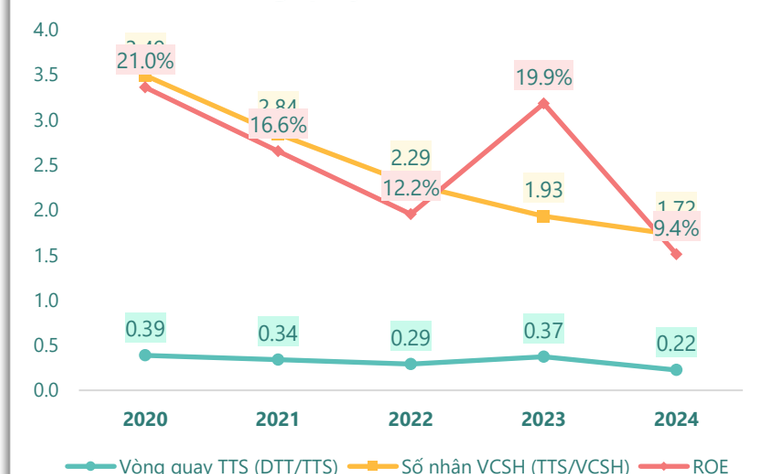
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



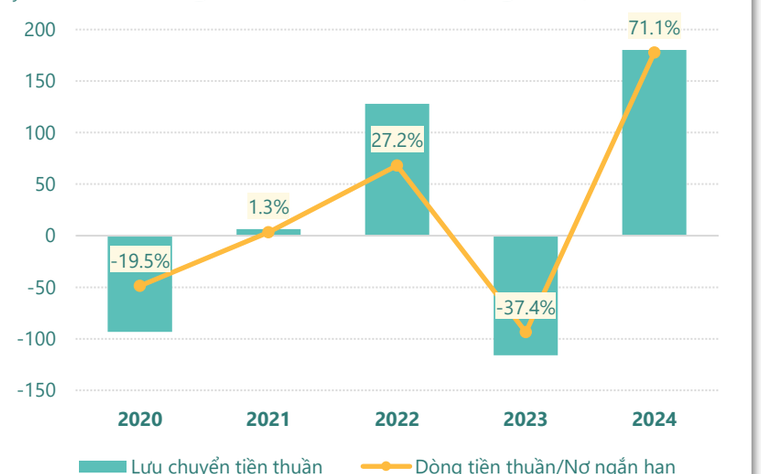
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**150**	**162**	**-7.6%**	**657**	**430**	**52.5%**
Giá vốn hàng bán	103	79.5	29.2%	288	229	25.9%
Lợi nhuận gộp	46.9	82.8	-43.3%	368	202	82.7%
Doanh thu HĐTC	7.24	8.72	-16.9%	20.2	27.4	-26.3%
Chi phí TC	0.77	1.38	-44.1%	2.71	3.97	-31.7%
Chi phí lãi vay	0.77	1.38	-44.1%	1.06	3.97	-73.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.20	1.28	72.2%	6.29	3.04	107%
Chi phí QLDN	**6.29**	**5.64**	**11.5%**	**15.8**	**18.0**	**-12.1%**
LN thuần từ HĐKD	44.9	83.3	-46.1%	364	204	78.3%
Lợi nhuận khác	**-0.03**	**-0.16**	**78.2%**	**-0.10**	**-0.29**	**66.1%**
LN trước thuế	44.9	83.1	-46.0%	364	204	78.5%
Lợi nhuận sau thuế	**34.9**	**66.3**	**-47.3%**	**288**	**163**	**77.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**27.7**	**43.3**	**-36.1%**	**198**	**109**	**82.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-74.8	35.2	48.9	120	214	365
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-31.8	-27.5	170	-138	-106	-388
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.54	18.7	-81.0	-3.68	-31.8	-18.3
Tiền đầu kỳ	185	78.0	104	243	221	297
Lưu chuyển tiền thuần	**-107**	**26.4**	**138**	**-21.8**	**76.1**	**-41.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	78.0	104	243	221	297	256

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,526**	**2,214**	**14.1%**
Tài sản ngắn hạn	875	876	-0.1%
Tiền và tương đương tiền	256	243	5.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	489	365	34.0%
Phải thu ngắn hạn	39.0	135	-71.1%
Hàng tồn kho	66.3	110	-39.9%
Tài sản ngắn hạn khác	24.5	23.0	6.4%
Tài sản dài hạn	**1,651**	**1,338**	**23.4%**
Phải thu dài hạn	570	586	-2.7%
Tài sản cố định	338	353	-4.5%
Bất động sản đầu tư	173	2.00	8522%
Tài sản dở dang	544	368	47.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	17.7	17.7	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**2.07**	**1.12**	**85.1%**
Lợi thế thương mại	7.18	8.84	-18.7%
Nợ phải trả	946	893	5.9%
Nợ ngắn hạn	**489**	**254**	**93.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	9.40	46.0	-79.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	34.6	10.8	220%
Nợ dài hạn	457	639	-28.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	44.0	43.6	1.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,580**	**1,321**	**19.6%**
Vốn chủ sở hữu	**1,580**	**1,321**	**19.6%**
Vốn điều lệ	667	575	16.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)